TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Hùng phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**.
2. Bà: **Đặng Thị Lệ**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp *"*Hôn nhân và gia đình*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L** – sinh ngày: 28/5/1992 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Ngô Văn T** - sinh năm: 1988 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2024 chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh T. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc, kinh tế dẫn đến vợ chồng thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Ngô Nguyễn Phú T1, sinh ngày 22/12/2016, hiện nay cháu T1 đang sống chung với chị. Sau

khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của anh T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị L và bị đơn anh T, anh T có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị L có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị L. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 17/9/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị L trình bày thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc, kinh tế dẫn đến vợ chồng thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị L và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu ly hôn với anh T, anh T

vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 người con chung tên Ngô Nguyễn Phú T1, sinh ngày 22/12/2016. Hiện nay cháu T1 đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị L và anh T không còn chung sống với nhau cho đến nay thì cháu T1 sống chung với chị L và tại bảng khai ý kiến ngày 22/7/2024 thì cháu T1 có nguyện vọng sống với chị L, anh T vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L nên giao cháu T1 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về con chung: Giao cháu Ngô Nguyễn Phú T1, sinh ngày 22/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Ngô Văn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Ngô Văn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp theo biên lai thu số N⁰0009183, ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Hng;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND x̃ H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh